TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:15/2018 HNGĐ-ST Ngày 6/9/2018 V/v: "L hôn, tranh chấp nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hải Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sùng Seo Chử.

2. Ông Nguyễn Đạt Cường.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Giàng Mạnh Vàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 6 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp: "L hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vàng Thị L.

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Ly Seo S.

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại đội 7, phân trại số 1,Trại giam Hồng Ca tỉnh Yên Bái. (Có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 7 năm 2018 và bản tự khai cùng ngày nguyên đơn chị Vàng Thị L trình bày: Chị và anh L Seo S lấy nhau năm 2003 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã mà chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Hôn nhân tự nguyện, không bên nào ép buộc bên nào. Sau khi c□ới nhau về thời gian đầu S hoà thuận hạnh phúc. Đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Đến tháng 12/2008 anh S vi phạm pháp luật và bị bắt. Ngày 22/7/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lao Cai xử phạt 18 (mười tám) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội " Mua bán trái phép chất ma túy". Chị Vàng Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian anh S chấp hành hình phạt tù là quá lâu, chị không chờ đợi lâu được. Nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị và anh L Seo S được L hôn.

Về con: Trước khi lấy nhau chị và anh S không ai có con riêng vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi lấy nhau về chị và anh S sinh được hai người con chung cháu lớn là Ly Thị D sinh ngày 4/10/2004, cháu thứ hai là Ly Ánh N sinh ngày 31/8/2009 nguyện vọng của chị nếu được Tòa án giải quyết cho L hôn anh S thì chị sẽ chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu Ly Thị D, Ly Ánh N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho hai cháu .

Về tài sản: Trước khi kết hôn chị và anh S không có tài sản riêng gì vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung chị và anh S chưa tạo dựng được tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Chị và anh S không nợ ai và không cho người khác vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 6 tháng 8 năm 2018 bị đơn là anh L Seo S trình bày: Anh và chị Vàng Thị L lấy nhau năm 2003 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn mà chỉ cưới hỏi theo tập quán của địa phương từ khi lấy nhau về không có mâu thuẫn gì trầm trọng đến tháng 12/2008 bị công an bắt và đến ngày 22/7/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử. Đến nay chị Vàng Thị L làm đơn xin L hôn, anh cũng đồng ý L hôn với chị Vàng Thị L.

Về con: Trong thời gian chung sống anh, chị không ai có con riêng mà sau khi lấy nhau về sinh được hai người con chung cháu lớn là Ly Thị D sinh ngày 4/10/2004, cháu thứ hai là Ly Ánh N sinh ngày 31/8/2009. Nguyện vọng của anh là hai cháu D, N đang ở với chị L nên anh nhường quyền cho chị L chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu đến tuổi trưởng thành và anh không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho các cháu được vì hiện nay anh chấp hành hình phạt tù tại trại giam.

Về tài sản: Anh và chị Vàng Thị L không có tài sản gì riêng sau khi lấy nhau về chưa tạo dựng được tài sản gì chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Anh và chị Vàng Thị L không nợ ai và không cho người khác vay nợ vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện viện kiểm sát có ý kiến như sau:

+,Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về công tác xây dựng hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của phiên tòa sơ thẩm, không vi phạm thủ tục tố tụng.

+, Về hướng giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn và những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án.Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh S có mâu thuẫn, mặt khác anh S vi phạm pháp luật hiện đang chấp hành hình phạt tại trại giam Hồng Ca, tỉnh yên Bái. Anh, chị c□ới hỏi theo phong tục tập quán địa ph□ơng, nh□ng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Vì vậy đã vi phạm vào khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện"; " Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".Vì vậy nên không đ□ợc pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay do mâu thuẫn gia đình chị L làm đơn xin Ly hôn vì vậy không công nhận quan hệ giữa chị Vàng Thị L và anh Ly Seo S là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai người con chung gồm: Cháu Ly Thị D sinh ngày 4/10/2004, cháu Ly Ánh N sinh ngày 31/8/2009. Căn cứ vào ý kiến của các bên (chị L muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu D và cháu N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con; còn ý kiến của anh S do anh đang chấp hành án phạt tù nên nếu Ly hôn anh nhất trí để cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu D, N và tại các bản tự khai của cháu D, N nguyện vọng nếu bố, mẹ L hôn các cháu xin ở với chị Vàng Thị L). Hiện nay các cháu D, N đang ở với chị L và tại đơn xin xác nhận mức thu nhập của Ủy ban nhân dân xã P chị L có mức thu nhập là 5.000.000đồng/tháng còn anh S đang chấp hành hình phạt tù nên không có điều kiện nuôi dưỡng các cháu D và cháu N được.Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 1,2 điều 81; khoản 1,3 điều 82; khoản 1,2 điều 83 Luật hôn nhân gia đình, khoản 2 điều 207; khoản 2 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Không công nhận chị Vàng Thị L và anh L Seo S là quan hệ vợ chồng và giao các cháu L

Thị D, L Ánh N cho chị Vàng Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 tuyên về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ. Do bị đơn L Seo S hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Hồng Ca tỉnh yên Bái, nên Tòa án tiến hành lấy lời khai của đương sự ngoài trụ sở Tòa án. Biên bản lấy lời khai của đương sự được thực hiện đúng với quy định tại điều 98 của Bộ luật tố tụng dân sự .Vụ án không hòa giải được vì bị đơn anh L Seo S có lý do chính đáng theo quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 6/8/2018 anh S có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị L và anh L Seo S lấy nhau vào năm 2003, hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện không ai bị ép buộc. Anh, chị c□ới hỏi theo phong tục tập quán địa ph□ơng, nh□ng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Vì vậy đã vi phạm vào khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14; Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện"; " Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".Vì vậy nên không đ□ợc pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay do mâu thuẫn gia đình chị L làm đơn xin L hôn vì vậy không công nhận quan hệ giữa chị Vàng Thị L và anh Ly Seo S là quan hệ vợ chồng.

[3].Về con: Trong thời gian chung sống, anh chị có hai người con chung cháu lớn là L Thị D sinh ngày 4/10/2004, cháu L Ánh N sinh ngày 31/8/2009. Nguyện vọng của chị nếu được Tòa án giải quyết cho Ly hôn anh S thì chị sẽ chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Ly Thị D, Ly Ánh N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho các cháu D, N. Mặc dù tại phiên tòa hôm nay anh S không có mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai, bị đơn L Seo S cũng đồng ý để chị L nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Ly Thị D, và Ly Ánh N đến tuổi trưởng thành. Vì hiện nay anh đang chấp hình phạt tù tại trại giam không chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu D, N được. Hơn nữa tại

bản tự khai của hai cháu D, N nguyện vọng của hai cháu nếu bố mẹ L hôn cháu xin được ở với chị Vàng Thị L.Tại đơn xin xác nhận mức thu nhập của Ủy ban nhân dân xã P chị L có mức thu nhập là 5.000.000đồng/tháng . Vì vậy nên giao cháu Ly Thị D sinh ngày 4/10/2004, cháu Ly Ánh N sinh ngày 31/8/2009 cho chị Vàng Thị L chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục nên áp dụng Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 1,2 Điều 81; Khoản 1,3 Điều 82; Khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về tài sản: Chị L và anh S không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5]. Về khoản nợ: Chị L và anh S không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ vì vậy Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Vàng Thị L phải chịu toàn bộ án phí L hôn theo quy định khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 1,2 Điều 81; Khoản 1,3 Điều 82; Khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. khoản 2 Điều 207; khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Vàng Thị L và anh L Seo S là quan hệ vợ chồng.

Về con: Giao các cháu Ly Thị D sinh ngày 4/10/2004, Ly Ánh N sinh ngày 31/8/2009. cho chị Vàng Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ18 tuổi), anh S không phải đóng góp tiền nuôi con chung. Anh Ly Seo S có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.Chị Vàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0000238 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Chị Vàng Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ly Seo S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
-VKSND tỉnh+ huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Ủy ban nhân dân xã P.
- Các đương sự;
- Lưu tập án
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hải Quân